

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HS-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Cho
2. Ông Lò Văn Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 22/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 17/5/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HS ngày 15/6/2021, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1990 tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn NT, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1959 và bà Lê Thị K, sinh năm 1964; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Phạm Văn T1, sinh năm 1989 tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn NT, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1959 và bà Lê Thị K, sinh năm 1964; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh kết án 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc” tại bản án số 16/2015/HSST ngày 26/11/2015, ngày 26/5/2017 chấp hành xong bản án; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp Pháp lý số X, Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Bị hại:

Ông Phạm Văn N, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Thôn NT, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Lê Thị Thu V - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp Pháp lý số X, Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Thôn NT, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1964

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1970

- Chị Phạm Thị Ph, sinh năm 1993

Cùng cư trú: Thôn NT, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 03/12/2020 do mâu thuẫn từ việc con chó của gia đình ông Phạm Văn Q cắn gà của gia đình ông Phạm Văn N, rồi xảy ra việc chửi bới nhau, nên ông N cầm một con dao (loại dao năm) đi từ nhà chòi của mình sang nhà chòi ông Q thuộc thôn Pù Tôn, Thôn NT, xã GT, huyện LC, khi ông Q đang ngồi chẻ lạt ở ngoài sân thì ông N dùng sống dao đánh một cái vào vùng sau gáy làm ông Q bị ngã xuống đất, xong ông N bỏ về nhà chòi của mình. Sau khi bị đánh, ông Q lấy điện thoại gọi cho con trai là Phạm Văn T1, nói là “vào cứu bố với, ông N đánh chết bố rồi”. Nhận được điện thoại, Phạm Văn T1 gọi cho em trai là Phạm Văn T cùng đi vào nhà chòi hỏi ông Q, ông Q kể lại sự việc bị ông N đánh. Sau khi nghe ông Q nói bị đánh T1 và T đi sang nhà chòi ông N, hỏi ông N tại sao đánh ông Q, nhưng ông N không trả lời. Thấy ông N liếc mắt nhìn con dao đang để bên cạnh, T cầm con dao vút đi, rồi cùng với T1 dùng tay đánh vào mặt ông N, đồng thời yêu cầu ông N đi về nhà để giải quyết việc đánh ông Q, nhưng ông N không đi, T dùng tay túm cổ áo kéo ông N xuống dưới sân chòi làm ông N bị trượt chân ngã từ cầu thang xuống dưới đất, T và T1 kéo ông N đứng dậy và yêu cầu ông N đi tiếp, nhưng ông N không đi. T nhìn thấy sợi dây thừng để ở gần cầu thang lên xuống liền nói với T1 “ông không về ta trói ông ấy về”, T đi lấy đoạn dây thừng, T1 giữ tay ông N, bẻ ra phía sau giữ cho T trói tay, rồi dẫn giải

ông N đi bộ về hướng Thôn NT. Đi được khoảng 200 - 300m thì gặp bà Lê Thị L (vợ ông N) và chị Phạm Thị Ph (con gái ông N), thấy chồng bị trói và giải đi bà L dùng dao cắt dây cởi trói cho ông N, xong T dùng xe máy chở ông N về đến Thôn NT thì ông N tự đi về nhà mình. Sau đó ông N đi điều trị vết thương tại Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, đến ngày 09/12/2020 ra viện.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 963/2020/TTPY ngày 05/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Ông Phạm Văn N bị tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm).

Vật chứng của vụ án: 01 đoạn dây thừng màu đỏ, dài 91cm, đường kính 01cm, một đầu có dấu vết đốt, đầu còn lại có dấu vết cắt; 01 đoạn dây thừng màu đỏ, dài 54cm, đường kính 01cm, hai đầu có dấu vết cắt. Số vật chứng trên đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại các khoản: Chi phí điều trị thương tích, tiền mất thu nhập của bị hại và người chăm sóc trong thời gian điều trị, tiền bù đắp tổn thất tinh thần, với tổng số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Đến nay, bị hại không còn yêu cầu gì thêm, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với hành vi của ông Phạm Văn N dùng dao đánh gây thương tích cho ông Phạm Văn Q. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 956/2020/TTPY ngày 05/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa đối với ông Phạm Văn Q, kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 03% (Ba phần trăm), nhưng ông Q có đơn đề nghị không khởi tố vụ án cố ý gây thương tích và không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với ông N. Cơ quan điều tra đã quyết định không khởi tố vụ án và đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông N.

Tại Cáo trạng số 08/CTr-VKSLC ngày 14/5/2021 của VKSND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 157; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của BLHS đối với các bị cáo; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Phạm Văn T. Xử phạt Phạm Văn T và Phạm Văn T1 mỗi bị cáo từ 06 (*Sáu*) đến 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (*Mười hai*) đến 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 02 đoạn dây thừng các bị cáo đã dùng trói ông N. Về án, Kiểm sát viên không chấp nhận miễn án phí cho các bị cáo như ý kiến của người bào chữa, bởi vì theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc của Chính phủ Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai

đoạn 2021 - 2025 thì tại thời điểm xét xử nơi cư trú của các bị cáo không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo và xử lý vật chứng của vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 thành khẩn nhận tội; thống nhất với quan điểm của người bào chữa; đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp để các bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, điều luật và mức hình phạt đối với các bị cáo; đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Lang Chánh, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 thành khẩn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do bức xúc việc ông Phạm Văn N dùng dao đánh ông Phạm Văn Q là bố đẻ của Phạm Văn T1 và Phạm Văn T, với mục đích bắt ông N đưa về Thôn NT để giải quyết việc ông N đánh ông Q, nên khoảng 11 giờ ngày 03/12/2020, tại nhà chòi của ông Phạm Văn N ở khu đồi Pù Tôn thuộc Thôn NT, xã GT, huyện LC, T và T1 không được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép và hành vi đánh ông Q của ông N đã chấm dứt, T và T1 dùng vũ lực đánh, rồi trói, buộc ông N đi về Thôn NT theo yêu cầu của T và T1, khi đi được khoảng 200 đến 300m thì gặp bà Lê Thị L là vợ ông N và chị Phạm Thị Ph là con ông N, sau khi bà L cắt dây, cởi trói cho ông N thì ông N mới được giải cứu. Khi bắt ông N, T và T1 đã dùng tay không đánh vào vùng mặt và lôi kéo làm cho ông N bị ngã từ trên sàn nhà chòi xuống đất, gây tổn thương cơ thể cho ông N là 01% (Một phần trăm) nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm khác. Hành vi của T và T1 đã phạm tội “*Bắt người*

trái pháp luật”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền tự do thân thể của người khác, là một trong các quyền con người, quyền công dân được pháp luật bảo vệ; xâm phạm trật tự trị an trên địa bàn. Hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật hình sự.

[4]. Về đồng phạm, vai trò và trách nhiệm của các bị cáo: Do bức xúc từ việc ông Phạm Văn N đánh ông Phạm Văn Q gây thương tích, nên các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội mà không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Khi thực hiện hành vi, bị cáo T là người thực hành tích cực, chủ động trong việc đánh, trói ông N nên có vai trò thứ nhất và phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo T1; bị cáo T1 là người thực hành, thực hiện hành vi đánh, trói ông N ở mức độ nhất định, nên có vai trò thứ yếu trong đồng phạm và phải chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo T. Tuy nhiên, bị cáo T1 có ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn bị cáo T nên phải chịu mức hình phạt tương đương với bị cáo T.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo phạm tội trong trường hợp bị hại cũng có lỗi; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; riêng bị cáo T1 có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, con bị cáo bị bệnh nặng (Bệnh tan máu bẩm sinh), nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo; riêng bị cáo T được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, nên xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật. Xét về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo T1 đã bị kết án, nhưng kể từ khi được xóa án tích đến khi phạm tội mới đã quá 6 tháng, tính chất, mức độ của tội phạm bị cáo mới thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và có đủ các điều kiện khác để cho hưởng án treo; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần buộc phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

[6]. Đối với hành vi dùng dao đánh gây thương tích cho ông Phạm Văn Q của ông Phạm Văn N, Cơ quan điều tra đã quyết định không khởi tố vụ án và đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông N, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Giữa các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường

toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại, bị hại không còn yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 02 đoạn dây thừng các bị cáo đã sử dụng để trói ông N, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của BLHS đối với bị cáo Phạm Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 07 (*Bảy*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (*Mười bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T1.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T1 07 (*Bảy*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (*Mười bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Phạm Văn T và Phạm Văn T1 cho UBND xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 (*Một*) đoạn dây thừng màu đỏ, dài 91cm, đường kính 01cm, một đầu có dấu vết đốt và đầu còn lại có dấu vết cắt; 01 (*Một*) đoạn dây thừng màu đỏ, dài 54cm, đường kính 01cm, hai đầu có dấu vết cắt. Số vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 17/5/2021.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sử công khai sơ thẩm, có mặt người bào chữa; các bị cáo; người bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; vắng mặt bị hại. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người BVQVLIHP của bị hại;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an huyện Lang Chánh;
- CQTHAHS Công an huyện Lang Chánh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám